

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTCM, ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

- Tên chương trình (tiếng Việt): **QUẢN LÝ KINH TẾ**
- Tên chương trình (tiếng Anh): **ECONOMIC MANAGEMENT**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Ngành đào tạo: Quản lý kinh tế Mã ngành: 8340410
- Định hướng đào tạo: Ứng dụng.

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm giúp cho học viên nâng cao kiến thức Quản lý kinh tế, có khả năng làm chủ được kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

+ Về kiến thức

- PO1: Cung cấp kiến thức mới theo hướng chuyên sâu về kinh tế và quản lý kinh tế, có thể đảm nhiệm công việc với vai trò là một chuyên gia trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- PO2: Phát triển tư duy phân biện, làm chủ kiến thức để có thể giải quyết những tình huống và các vấn đề thực tiễn của các cơ quan quản lý nhà nước trong môi trường toàn cầu hóa.

+ Về kỹ năng:

- PO3: Kỹ năng cần thiết về quản lý kinh tế như kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.

- PO4: Kỹ năng tư duy, phân biện, nghiên cứu độc lập, tổng hợp, cập nhật kiến thức, phân tích và phân biện các chính sách hiện hành.

- PO5: Kỹ năng đánh giá, phát hiện, giải quyết các vấn đề thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

+ Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

- PO8: Khả năng sáng tạo, tổ chức các công việc quản lý một cách độc lập tại các cơ quan quản lý nhà nước; khả năng tổ chức, phối hợp và làm việc theo nhóm, phát triển nhóm để thực hiện những công việc được giao một cách hiệu quả;

- PO9: Tự tin, linh hoạt, khéo léo khi giao tiếp với đối tác, đối tượng quản lý đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của đối tác, đối tượng quản lý

- PO10: Khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Thạc sĩ Quản lý kinh tế có cơ hội trở thành cán bộ quản lý kinh tế và chuyên gia phân tích chính sách trong các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương, các tổ chức tư vấn về chính sách và các tổ chức kinh tế - xã hội.

Khi có nhu cầu, học viên có thể học bổ sung một số môn học theo yêu cầu của từng chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. CHUẨN ĐẦU RA:

Chương trình được thiết kế đảm bảo người học đạt tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

Về kiến thức	
PLO1	Vận dụng kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý, sáng tạo, chủ động trong giải quyết những vấn đề thực tiễn.
PLO2	Tổng hợp kiến thức một cách có chọn lọc, phân tích tác động chính sách kinh tế đến thực tiễn hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế.
PLO3	Đánh giá chính sách kinh tế để đưa ra các lựa chọn đầu tư, về quản lý kinh tế theo vùng, lãnh thổ và theo ngành..
Về kỹ năng	
PLO4	Kỹ năng vận dụng sáng tạo các kiến thức vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp..
PLO5	Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách về quản lý kinh tế.
PLO6	Kỹ năng vận dụng các công cụ thống kê, các kỹ thuật phân tích của ngành kinh tế để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý
PLO7	Kỹ năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế
Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm	
PLO8	Tự tin, trung thực, trách nhiệm, cẩn thận, tin cậy, thích nghi, chuyên nghiệp trong quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.
PLO9	Năng lực phát hiện và đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực chuyên môn.
PLO10	Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng, tự định hướng và hướng dẫn người khác.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Thời gian đào tạo: 2 năm.

Thời gian học tập tối đa: 4 năm.

5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:

6.1. Quy trình đào tạo:

Theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sỹ (Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021

của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính – Marketing (Ban hành theo quyết định số 2247/QĐ/ĐHTCM-SĐH ngày 11/11/2020).

6.2. Địa điểm đào tạo:

- Tổ chức đào tạo tại các cơ sở chính thức của trường ĐH Tài chính Marketing.
- Các hoạt động thực hành, thực tập, nghiên cứu và trải nghiệm thực tế được tổ chức ở ngoài Trường nhưng không vượt quá 20% khối lượng chương trình đào tạo theo Thông tư 23/2021/Bộ GD-ĐT ban hành ngày 30/08/2021.
- Trường được tổ chức các lớp học trực tuyến với khối lượng học tập không vượt quá 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; bảo đảm chất lượng không thấp hơn so với các lớp học trực tiếp.
- Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện đào tạo các học phần theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

6.3. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có): không

6.4. Điều kiện tốt nghiệp:

- Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn, đề án đạt yêu cầu;
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

7. TUYỂN SINH:

7.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Theo chỉ tiêu được xét duyệt từ BGD&ĐT đối với năng lực đào tạo của Trường Đại học Tài chính-Marketing.

7.2. Phương thức tuyển sinh:

- Phương thức tuyển sinh trình độ thạc sĩ gồm: xét tuyển đối với trình độ đại học và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương bậc 3 trở lên.

- Các môn xét tuyển bao gồm hai môn cơ sở ngành phù hợp trình độ đại học, cụ thể:

+ Kinh tế học;

+ Quản trị học

7.3. Chuẩn đầu vào:

a) Yêu cầu về văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế.

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 2 học phần (5 tín chỉ).

- Có bằng tốt nghiệp đại học một số ngành khác với ngành khác và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 4 học phần (9 tín chỉ).

b) Yêu cầu thâm niên công tác

Không

c) Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ

Được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (Tiếng Anh) đạt trình độ tương đương Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài.

7.4. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi học phần

a. Người học được xem xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ của một số học phần khi đã học một chương trình đào tạo thạc sĩ ngành khác. Các học phần đã học phải có trong chương trình đào tạo thạc sĩ của Trường với số tín chỉ được công nhận và chuyển đổi không vượt quá 30 tín chỉ.

b. Sinh viên trường đại học Tài chính- Marketing đang học chương trình đào tạo đại học có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ tại của Trường với số tín chỉ không vượt quá 15 tín chỉ. Cụ thể sinh viên có thể đăng ký học trước các học phần sau:

STT	Tên môn học	Số TC
1	Pháp luật quản lý kinh tế	3
2	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3
3	Kinh tế đầu tư nâng cao	3
4	Kinh tế học quản lý	3
5	Quản lý chương trình và dự án công	3

c. Những học phần đã học ở chương trình đại học hoặc chương trình thạc sỹ ngành khác được xét công nhận và chuyển đổi tín chỉ trong chương trình đào tạo thạc sỹ khi đáp ứng các điều kiện sau:

+ Cùng nội dung giảng dạy; Đáp ứng chuẩn đầu ra, bằng hoặc lớn hơn khối lượng học tập trong chương trình đào tạo thạc sỹ của trường;

+ Điểm đánh giá đạt từ điểm C (hoặc quy đổi tương đương) trở lên;

+ Thời điểm hoàn thành không quá 05 năm tính tới thời điểm xét công nhận, chuyển đổi.

7.5. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

7.4.1. Danh mục các ngành đúng, ngành gần, ngành khác

a) Ngành đúng: ngành đào tạo trình độ đại học trùng tên với ngành đào tạo trình độ thạc sỹ Quản lý kinh tế hoặc ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế.

b) Ngành gần: các ngành đào tạo trình độ đại học thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý nhưng khác với ngành đúng.

c) Ngành khác: các ngành đào tạo trình độ đại học khác không phải ngành đúng, ngành gần, nhưng có liên quan trực tiếp tới chuyên môn, nghề nghiệp của ngành đào tạo trình độ thạc sỹ.

Ngành đúng	Ngành gần	Ngành khác
Ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế	Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Chính sách công, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng, Quản lý khoa học và công nghệ, Luật kinh tế, Quản lý chuỗi cung ứng, Kinh tế xây dựng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Bất động sản, Quản lý đất đai, Quản lý công nghiệp, Quản lý năng lượng, Quản lý đô thị và công trình, Quản lý xây dựng, Quản lý thủy sản, Quản lý tài nguyên rừng, Tổ chức quản lý dược, Quản lý ý tế, Quản lý bệnh viện, Tổ chức và quản lý vận tải, Quản lý thể dục thể thao, Báo chí học, Truyền thông đại chúng, Quan hệ công chúng, Thông tin học, Lưu trữ học, Bảo tàng học, Xuất bản, Luật, Luật quốc tế, Quản lý giáo dục, Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	Công tác xã hội, Công nghệ sinh học, Sinh học ứng dụng, Khoa học môi trường, Khoa học đất, Thống kê, Toán ứng dụng, Công nghệ thông tin, Nông nghiệp, Điện, Công nghệ kỹ thuật điện, Điện khí hoá mỏ, Quy hoạch vùng và đô thị, Quy hoạch đô thị, Xây dựng, Xây dựng cầu đường, Kiến trúc công trình, Kiến trúc hạ tầng đô thị, công trình, Xây dựng công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Công nghiệp chế tạo máy, Cơ khí chế tạo máy, Điện-điện tử, Điện tử-viễn thông, Thiết kế máy, Quản lý nhà nước về an ninh trật tự, Ngôn ngữ Anh.

7.4.2. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

Ngành đúng: ngành Kinh tế định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế

Ngành gần: các ngành thuộc lĩnh vực kinh doanh và quản lý, nhưng không đúng định hướng chuyên ngành Quản lý kinh tế. Môn học bổ sung kiến thức gồm 2 môn, 5 tín chỉ:

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Kinh tế học	3

Ngành khác: các ngành khác ngành đúng và ngành gần. Môn học bổ sung kiến thức gồm 4 môn, 9 tín chỉ, cụ thể:

TT	Môn học	Số tín chỉ
1	Quản trị học	2
2	Quản lý nhà nước về kinh tế	2
3	Kinh tế học	3
4	Kinh tế phát triển	2

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM:

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của học viên theo quy định của Trường và tuân thủ theo Chương III, Điều 7 Mục 6 của TT23/2021 BGD&ĐT theo định hướng ứng dụng.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH:

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
I. Kiến thức chung: 8 tín chỉ						
1	MEM01	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	4	0	
2	MEM02	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	2	1	
Tổng			7	6	1	
II. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành:						
<i>Học phần bắt buộc: 27 tín chỉ</i>						
3	MEM03	Lãnh đạo công và quản lý	3	2	1	
4	MEM04	Kinh tế học quản lý	3	2	1	
5	MEM05	Kinh tế đầu tư nâng cao	3	2	1	
6	MEM06	Pháp luật quản lý kinh tế	3	2	1	
7	MEM07	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3	2	1	
8	MEM08	Quản lý chương trình và dự án công	3	2	1	
9	MEM09	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	2	1	
10	MEM10	Nghiên cứu tình huống 1	3	1	2	
11	MEM11	Nghiên cứu tình huống 2	3	1	2	

Tổng			27	16	11	
Học phần tự chọn: 17 tín chỉ (Học viên có thể chọn 1 trong 2 tổ hợp sau)						
12	MEM12	Chuyển đổi số trong khu vực công	3	2	1	Tổ hợp 1
13	MEM13	Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	2	1	
14	MEM14	Kinh tế khu vực công	3	2	1	
15	MEM15	Mô hình ra quyết định quản lý	2	1	1	
16	MEM16	Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực	3	2	1	
17	MEM17	Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công	3	2	1	
18	MEM18	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý	2	1	1	Tổ hợp 2
19	MEM19	Quản lý sự thay đổi	3	2	1	
20	MEM20	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	3	2	1	
21	MEM12	Chuyển đổi số trong khu vực công	3	2	1	
22	MEM21	Kinh tế phát triển nâng cao	3	2	1	
23	MEM22	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	3	2	1	
III. Tốt nghiệp:						
24	MEM23	Đề án tốt nghiệp	9	0	9	
	Tổng		60	33	27	

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Học kỳ 1

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Triết học	4	

2	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3	
3	Lãnh đạo công và quản lý	3	
4	Kinh tế học quản lý	3	
5	Nghiên cứu tình huống 1	3	
TỔNG		16	

Học kỳ 2

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Kinh tế đầu tư nâng cao	3	
2	Pháp luật quản lý kinh tế	3	
3	Quản lý nhà nước về kinh tế nâng cao	3	
4	Quản lý chương trình và dự án công	3	
5	Phân tích và đánh giá chính sách kinh tế	3	
6	Nghiên cứu tình huống 2	3	
TỔNG		18	

Học kỳ 3 – Tự chọn (chọn 1 trong 2 tổ hợp sau).

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
	Tổ hợp 1		
1	Chuyển đổi số trong khu vực công	3	
2	Quản lý phát triển kinh tế vùng và địa phương	3	
3	Kinh tế khu vực công	3	
4	Mô hình ra quyết định quản lý	2	
5	Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực	3	
6	Đàm phán và quản lý xung đột trong khu vực công	3	
TỔNG		17	

	Tổ hợp 2		
1	Ứng dụng lý thuyết trò chơi trong quản lý	2	
2	Quản lý sự thay đổi	3	
3	Chính sách và các vấn đề tài chính quốc tế	3	
4	Chuyển đổi số trong khu vực công	3	
5	Kinh tế phát triển nâng cao	3	
6	Quản trị chiến lược trong các tổ chức công	3	
	TỔNG	17	

Học kỳ 4

TT	Mã số	Tên học phần	Số TC			Ghi chú
			Tổng	LT	TH	
1	MEM23	Đề án tốt nghiệp	9		9	
		TỔNG	9		9	

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

11.1. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

❖ Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình đào tạo được thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2022, được đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Viện Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm triển khai đào tạo theo kế hoạch đào tạo theo từng năm/học kỳ.

Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng dạy các học phần và hướng dẫn luận văn tốt nghiệp, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chi tiết học phần. Đối với những học phần tự chọn, tùy theo tình hình thực tiễn Khoa chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên lựa chọn học phần phù hợp.

